TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v:*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hường.
2. Ông Trương Văn Hậu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen-Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nam–Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/3/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐHNGĐ-ST ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Thanh P –sinh năm:1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hiện ở: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*Bị đơn: Ông **Đỗ Minh Đ** – sinh năm: 1987 (vắng mặt)
Hộ khẩu ở: Thôn P, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh P trình bày: Bà và ông Đỗ Minh Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1-N–Ninh Thuận vào ngày 28/11/2013. Bà và ông Phúc có chung 02 người con tên Đỗ Thị Minh T–sinh ngày 11/7/2014 và Đỗ Phúc T1–sinh ngày 21/4/2021. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả. Ông Đ không quan tâm vợ con, mỗi lần bà nói là ông Đ kiếm chuyện chử mắng, xúc phạm bà và đuổi bà ra khỏi nhà.

Từ đầu năm 2022, bà và ông Đỗ Minh Đ đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, mặc ai người nấy sống. Bà và 02 đứa con thì sống bên nhà cha mẹ ruột của bà ở thôn L-P. Còn ông Đ thì đang ở tại thôn P-P1. Vợ chồng không quan tâm nhau và cũng không qua lại với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đ.

Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con sống cùng với bà, một mình bà nuôi con, có cha mẹ bà cùng phụ giúp bà nuôi con. Ông Đ không quan tâm đến con và cũng không chu cấp T nuôi con. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Đỗ Minh Đ: Vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ cho đến phiên tòa xét xử hôm nay nên không có lời trình bày.

Chính quyền địa phương thôn P, xã P1, huyện N - Nơi vợ chồng ông Đ, bà P sinh sống xác nhận: ông Đ, bà P chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân, không thấy qua lại với nhau. Bà P đang nuôi các con tại địa phương và bà P nuôi con tốt. Còn ông Đ đi đâu không rõ, không báo cho chính quyền địa phương biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã thực hiện tống Đ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Phạm Thị Thanh P được ly hôn với ông Đỗ Minh Đ. Khi ly hôn giao 02 người con Đỗ Thị Minh T–sinh ngày 11/7/2014 và Đỗ Phúc T1–sinh ngày 21/4/2021 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí bà P phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Phạm Thị Thanh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đỗ Minh Đ, yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Đơn kiện đảm bảo về nội dung, hình thức. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, HĐXX xác định đây là vụ án Dân sự loại Hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, Ninh Thuận.

Đối với bị đơn là ông Đỗ Minh Đ vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án, tiến hành các phiên hòa giải, đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS, nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 150/2013, quyển số 02/2012 ngày 28/11/2013, tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không quan tâm nhau trong một thời gian dài. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được chính quyền địa phương nơi bà P và ông Đ sinh sống xác nhận.

Xét thấy, hôn nhân của giữa bà P và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình (HNGĐ) năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] *Về con chung*: Bà P và ông Đ có 02 con chung tên Đỗ Thị Minh T–sinh ngày 11/7/2014 và Đỗ Phúc T1–sinh ngày 21/4/2021. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử ông Đ vắng mặt không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của bà P, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chính bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy: Bà P yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Việc các con đang sống cùng với bà P và bà P chăm con tốt có xác nhận của chính quyền địa phương nơi vợ chồng sinh sống. Ông Đ không quan tâm đến con và cũng không chu cấp T nuôi con. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận giao 02 cháu Đỗ Thị Minh T–sinh ngày 11/7/2014 và Đỗ Phúc T1–sinh ngày 21/4/2021 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Căn cứ vào những phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà P phải chịu án phí 300.000^{đ} theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.*Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Thanh P được ly hôn với ông Đỗ Minh Đ.

2.*Về con chung*: Bà Phạm Thị Thanh P có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Thị Minh T–sinh ngày 11/7/2014 và Đỗ Phúc T1–sinh ngày 21/4/2021. Ông Đỗ Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4.*Về án phí:* Bà Phạm Thị Thanh P phải chịu 300.000[đ] *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số T 300.000[đ] *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002378 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Phạm Thị Thanh P đã nộp đủ án phí.

5.*Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tống Đ hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P1-N;
(Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Xuân Thủy